

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/01/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+BK9	7:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
2		CLO+TD1	7:25	2+18+2	0+0+0		0+20+0	0+0+0	
3		BK8+PPD	7:25	6+16	0+0		0+22	0+0	
4		RP3+RC6	9:25	20+2	0+0		15+1	0+0	
5		PPD+P4	9:25	10+12	0+0		6+16	0+0	
6		P7	9:25	21	0		17	0	
7		P11+BK8+CI	11:25	15+4+3	0+0+0		4+3+15	0+0+0	
8		BK3+P11+TD1	11:25	18+3	0+0		0+9+13	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: CLO - BK9	CREW: VThắng - ĐNam - Vũ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN HUNG	CLO	42	1	2	40	69	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN SINH	CLO	59	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
3	LE MANH THANG	CLO	52	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN CONG PHU	CLO	51	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN TRUNG THANH	CLO	60	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN VINH	CLO	58	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC LY	CLO	57	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG NHAT	CLO	62	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN DINH HAI	CLO	61	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN DAC KIM	CLO	53-54	2	10		66	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN KIM HUNG	CLO	63	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN BUI QUANG	CLO	43	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
13	TRUONG QUYET THANG	CLO	46	1	14		76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN LE DANG QUANG	CLO	48	1	14		92	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH TRUNG	CLO	21	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
16	VU ANH TUAN	CLO	47	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN MINH BACH	CLO	50	1	7		63	PSV	Vietnamese
18	LE MINH HOAN	CLO	55	1	8		76	PSV	Vietnamese
19	VU VAN THAM	CLO	49	1	8		59	PSV	Vietnamese
20	LUU VAN TRONG	CLO	56	1	2		56	PSV	Vietnamese
21	BUI VAN MINH	BK9	03,36	2	14		60	CO DIEN	Vietnamese
22	LE NGOC HIEP	BK9	01-03	3	21		82	CO DIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	20	21	146	1.398	40	20		
2	BK9	2	5	35	142	0	0		
TOTAL		22	26	181	1.540	40	20		
WEIGHT KG				181	1.540	40			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2023	TO: CLO - TD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - NPhú - MQUÂN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG HUU THO	CLO	77	1	3		73	PSV	Vietnamese
2	LE MINH MINH	CLO	78	1	7		69	PSV	Vietnamese
3	LE VAN HUNG	CLO	76	1	4		61	PSV	Vietnamese
4	PHAN MINH TUAN	CLO	75	1	4		76	PSV	Vietnamese
5	ĐANG VIET KHOI	TD1					60	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN MINH SON	TD1	65	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
7	ĐOAN VAN LEO	TD1	64	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN THIEU	TD1	28,66-67	3	18		74	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM ĐUC TUAN	TD1	30	1	6	40	75	KHOAN	Vietnamese
10	BUI VAN THO	TD1	59	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
11	LE BA PHUONG	TD1	75	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG THANG	TD1					50	KHOAN	Vietnamese
13	BUI VAN NINH	TD1	61	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM TIEN VINH	TD1	76	1	14		80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TRUNG KIEN	TD1	63	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN THUAN	TD1	56-57	2	16		69	KHOAN	Vietnamese
17	BADRETDINOV EDGAR	TD1	29	1	5		75	KHOAN	Russian
18	NGUYEN TAT LOC	TD1	62	1	4		56	PSV	Vietnamese
19	TRIEU MINH HONG	TD1	58	1	5		66	PSV	Vietnamese
20	VUONG ĐUC HUY	TD1	81	1	12		85	PSV	Vietnamese
21	NGO VAN GIAO	TD1	31	1	7		88	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN VAN THI	TD1	60	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	4	4	18	279	0	0		
2	TD1	18	19	133	1.299	40	22		
TOTAL		22	23	151	1.578	40	22		
WEIGHT KG				151	1.578	40			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2023	TO: BK8 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HƯNG - NPhú - MQUÂN	ETA: 11:45
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ BA HÒA	BK8	09	1	18		71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC ĐOÀI	BK8	87	1	14	40	60	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HÀ	BK8	10-11	2	17		64	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN XUÂN QUYÊN	BK8	12,36	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ ĐÌNH HOÀN	BK8	88-89	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC TOÀN	BK8	90	1	14		83	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM TÀI	PPD	59	1	13		72	KHI	Vietnamese
8	KOLESNIK ALEXANDER	PPD	60	1	6		102	KHI	Russian
9	ĐOÀN VIỆT ĐIỆP	PPD	52	1	3		60	KHI	Vietnamese
10	ĐỖ CHUNG KIẾN	PPD	50	1	4		60	KHI	Vietnamese
11	HOANG MINH HIẾU	PPD	62	1	5	60	63	KHI	Vietnamese
12	VŨ THANH BÌNH	PPD	54	1	3		80	KHI	Vietnamese
13	TRẦN VĂN DŨNG	PPD					77	KHI	Vietnamese
14	TRẦN VĂN NĂM	PPD	51	1	5		65	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TÀ	PPD	58	1	4		70	KHI	Vietnamese
16	PHẠM HAI QUANG	PPD	56	1	5		76	KHI	Vietnamese
17	BERNIKOVICH VIKTOR	PPD	55	1	8		108	KHI	Russian
18	PHUNG VAN CHINH	PPD	45	1	5		80	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG HIẾN	PPD	53	1	5		56	KHI	Vietnamese
20	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	61	1	9		65	KHI	Vietnamese
21	TRẦN LÊ RANG	PPD	57	1	5		82	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN MINH KHOAN	PPD	63	1	11		82	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN.

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	6	9	90	408	40	0		
2	PPD	16	15	91	1.198	60	22		
TOTAL		22	24	181	1.606	100	22		
WEIGHT KG				181	1.606	100			

GRAND TOAL: 1.887 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: RP3 - RC6	CREW: VThắng - ĐNam - Vũ	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	38-40	3	5	40	60	KHI	Vietnamese
2	TRẦN VĂN SEN	RP3	44	1	5		68	KHI	Vietnamese
3	LÂM TIẾN PHI	RP3	28	1	10		82	KHI	Vietnamese
4	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	33	1	5		78	KHI	Vietnamese
5	HỒ VĂN LUƠNG	RP3	27	1	6		64	KHI	Vietnamese
6	ĐẶNG HUY KHANH	RP3	42	1	4		78	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG HOÀ	RP3	37	1	11		77	KHI	Vietnamese
8	LÊ XUÂN VIỆT	RP3	45	1	5		71	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT KỶ	RP3	41	1	5		72	KHI	Vietnamese
10	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	35-36	2	8		66	KHI	Vietnamese
11	PHẠM VĂN LẬP	RP3					60	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG NAM	RP3	34	1	4		64	KHI	Vietnamese
13	PHẠM HỒNG LINH	RP3	27-28	2	7		75	KHI	Vietnamese
14	KHÔNG TIẾN DŨNG	RP3	22	1	7		75	KHI	Vietnamese
15	LUƠNG ĐỨC THIÊN	RP3	31	1	8		75	KHI	Vietnamese
16	DOÀN XUÂN CHIẾN	RP3	32	1	6		70	KHI	Vietnamese
17	MAI ĐỨC CƯƠNG	RP3	25-26	2	7		71	KHI	Vietnamese
18	THAI DOÀN VIỆT	RP3	23	1	6		73	KHI	Vietnamese
19	TRẦN XUÂN NGHĨNG	RP3	24	1	10		71	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN PHE	RP3	43	1	5		67	PSV	Vietnamese
21	PHẠM TIẾN DŨNG	RC6	98	1	10	35	71	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH DANH	RC6	99,600	2	10		56	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	20	24	124	1.417	40	16		
2	RC6	2	3	20	127	35	0		
TOTAL		22	27	144	1.544	75	16		
WEIGHT KG				144	1.544	75			

GRAND TOAL: 1.763 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

[Handwritten signatures]



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 05	TO: PPD - P4	CREW: CHIÊN - MTHAO - NNam	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI THANH	PPD	41	1	4		63	KHI	Vietnamese
2	VU MANH HUNG	PPD	32-35	4	20		70	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN DUC HOA	PPD	38	1	6		72	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN TRUONG NHAT MINH	PPD	39-40	2	13		83	KHI	Vietnamese
5	DO NGOC TAN	PPD	36	1	6		72	KHI	Vietnamese
6	VU DUC HOANG	PPD	37	1	6		67	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN DUC TOAN	PPD	43-44	2	16		57	T-TIN	Vietnamese
8	PHAM VAN DUC	PPD					68	T-TIN	Vietnamese
9	DOAN QUYET THANG	PPD	42	1	10		75	YTE	Vietnamese
10	NGUYEN THANH TRUNG	P4	29	1	5		69	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN LE HUY	P4	28	1	6		70	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN MINH CANG	P4	26	1	4		74	KHI	Vietnamese
13	PHAM TRAI	P4	25	1	5		70	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN DANG TUAN	P4	31	1	5		68	KHI	Vietnamese
15	TA XUAN HIEU	P4	32	1	6		63	KHI	Vietnamese
16	PHAM DUC HIEP	P4	35	1	4		80	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN VIET NGOC	P4	27	1	6		67	KHI	Vietnamese
18	PHAM THE TRUONG	P4	23	1	4		75	KHI	Vietnamese
19	PHAN DINH NHAM	P4	24	1	4		67	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TAI	P4	34	1	3		70	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN HOANG TRUONG	P4	30	1	4		79	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	9	13	81	627	0	6		
2	P4	12	12	56	852	0	16		
TOTAL		21	25	137	1.479	0	22		
WEIGHT KG				137	1.479	0			

GRAND TOAL: 1.616 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2023	TO: P7	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: TTrung - N.ANH - HIẾU	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	FOK S.I.	P7	21	1	8		132	KHOAN	Russian
2	SICHINAVA GIORGI	P7	20	1	8		88	KHOAN	Russian
3	SHCHERBAKOV MAXIM	P7	19	1	7		100	KHOAN	Russian
4	PHAN QUY DUNG	P7	95	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN SY LUC	P7	16-17	2	14		73	XAYLAP	Vietnamese
6	LE CONG BANG	P7	10-11	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN DAI THANG	P7	99,700	2	9		65	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN QUANG SANG	P7	08-09	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN MANH HUNG	P7	91-92	2	16		73	XAYLAP	Vietnamese
10	DONG VAN THUY	P7	01-02	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN VAN DAU	P7	98	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAM VAN DINH	P7	12-13	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN QUAN	P7	14-15	2	20	14	59	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN CHINH DUONG	P7	89-90	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
15	VU DUC HUNG	P7	03-04	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
16	DAO TRUNG KIEN	P7	87-88	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
17	LE NGUYEN HUY HOAN	P7	96-97	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN TIEN TRUONG	P7	05-07	3	20		63	XAYLAP	Vietnamese
19	DOAN DINH DUNG	P7	85-86	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
20	VU DUC THIEN	P7	93-94	2	16		67	XAYLAP	Vietnamese
21	VU THE HUNG	P7	18	1	11		63	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	21	37	323	1.535	14	17		
TOTAL		21	37	323	1.535	14	17		
WEIGHT KG				323	1.535	14			

GRAND TOAL: 1.872 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2023	TO: BK3 - P11 - TD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: CHIẾN - MTHAO - NNam	ETA: 16:30
DO - 4			

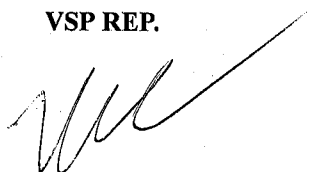
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG TUYẾN	BK3	40	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THẾ HANH	BK3	94	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ HỒNG CƯỜNG	BK3	95	1	7	15	70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	BK3	48	1	15	40	72	XAYLAP	Vietnamese
5	HOÀNG BA ĐỨC	BK3	35	1	8	15	85	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐẶNG THANH BÌNH	BK3	37-38	2	17		68	XAYLAP	Vietnamese
7	CHÊ NGỌC TỰ	BK3	78-79	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
8	HOÀNG VĂN HUNG	BK3	44-45	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG XUÂN KIẾN	BK3	41	1	8	15	68	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ TRI HAI	BK3	46	1	12	15	64	XAYLAP	Vietnamese
11	TRỊNH VĂN TỰ	BK3	76-77	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT MINH	BK3	51-52	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH KÝ	BK3	49	1	5	18	65	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ DOÀN HAI	BK3				23	60	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN VĂN VIỆT	BK3	39	1	18		69	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN TRUNG KIẾN	P11					65	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ MINH KHÁNH	P11					90	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN VĂN HUNG	P11	18-19	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐẬU ĐỨC HUNG	TD1	83	1	4		71	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH CÔNG	TD1	85	1	8		65	PSV	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC CƯỜNG 67	TD1	84	1	9		54	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	TD1	82	1	5		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

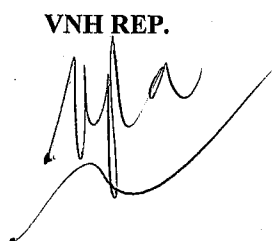
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	15	19	178	1.020	141	0		
2	P11	3	2	15	215	0	9		
3	TD1	4	4	26	247	0	13		
TOTAL		22	25	219	1.482	141	22		
WEIGHT KG				219	1.482	141			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:35
FLIGHT: 08	TO: P11 - BK8 - CLI	CREW: TTrung - N.ANH - HIẾU	ETA: 16:35
HONG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIẾN HẢI	P11	19-20	2	17		52	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN DANH HẠNH	P11	01	1	10	34	67	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐỖ TIẾN MẠNH	P11	13-14	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH SƠN	P11	11-12	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
5	HUỶNH KỶ MINH TUÂN	P11	02	1	5	25	62	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM VĂN KIẾN	P11	17-18	2	19		75	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC QUÝ	P11	04-05	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	P11	06	1	17		75	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NAM	P11	07-08	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM HỒNG VŨ	P11	09	1	11	21	46	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI HỒNG SÁNG	P11	16	1	14		95	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ ĐÌNH ĐO	BK8	96	1	10	20	77	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH PHÚC	BK8	94-95	2	18		55	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN TRUNG ĐĂNG	BK8	93	1	12		71	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM VĂN TUYẾN	BK8	99	1	14		76	XAYLAP	Vietnamese
16	NGO ĐỨC THUẬN	BK8	98	1	17	16	68	XAYLAP	Vietnamese
17	LE HAI AN	BK8	400	1	5		70	PSV	Vietnamese
18	HỒ HẢI HẬU	CLI	31-32	2	16		72	KH-THAC	Vietnamese
19	LAI TUÂN ANH	CLI	29-30	2	13		87	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THAM	CLI					82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	11	17	162	750	80	4		
2	BK8	6	7	76	417	36	3		
3	CLI	3	4	29	241	0	15		
TOTAL		20	28	267	1.408	116	22		
WEIGHT KG				267	1.408	116			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN